TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày 26- 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Nhót và bà Trần Thị Xanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2018/TLST-HS, ngày 08 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HS ngày 12/10/2018 đối với bị cáo:

Chu Thiên Â *(tên gọi khác: Chu Việt H)*, sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKHKTT: Ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha, mẹ ruột: Con ông Bùi Xuân H(đã chết) và con bà Nguyễn Thị P (hiện nay không biết nơi cư trú); mẹ nuôi: Chu Thị N; nơi cư trú: Đường M, phường N, quận V, TP. Hồ Chí Minh; chưa có vợ, con; tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 199/QĐ-TA ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; về nhân thân: Năm 2009 bị đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 24/3/2009 thời gian là 24 tháng kể từ ngày 03/3/2009 đến ngày 03/3/2011(chấp hành xong); năm 2011 đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm tại Quyết định số: 2300/QĐ-UBND ngày 05/5/2011, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 03/3/201; bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2018 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đỗ Đức V, sinh năm 1987; có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Những người làm chứng:

- Anh Phan Hoài L, sinh năm 1980; vắng mặt.

Nơi cư trú: T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Chị Lã Thị H, sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi cư trú: T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1971; vắng mặt.

Nơi cư trú: T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2017, Chu Thiên Â đến làm thuê cho đại lý phân bón V tại T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do anh Nguyễn Ngọc T1 làm chủ đại lý. Quá trình sinh sống tại đây, Â có quen biết với Đỗ Đức V, do không có tiền để mua ma túy sử dụng cùng V nên Chu Thiên Â đã cầm cố điện thoại di động Iphone 6 của Â cho Đặng H, không rõ nơi thường trú, lấy số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, V nói sẽ kiếm tiền chuộc lại điện thoại cho Â nhưng H không trả.

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 17/7/2017, Â ngồi nhậu tại nhà anh T1 thì Đỗ Đức V điều khiển xe mô tô BKS: 48F1- 093.73, hiệu Exciter loại 150 phân khối, màu rằn ri (camo) đến để xem anh Phan Hoài L đánh cờ. Tại đây, V nói với Â về việc chưa chuộc lại được chiếc điện thoại di động của Â nên Â bực tức và nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tôBKS: 48F1- 093.73 của V để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi thấy V đang ngồi xem đánh cờ trước sân nhà anh T1 thì Â đi đến nói với V "cho mượn xe máy đi mua thuốc". Do V không biết Â sẽ mang chiếc xe máy đi để bán lấy tiền nên V đồng ý, V đưa chìa khóa xe cho Â. Sau đó, Â mang chìa khóa xe ra nổ máy nhưng không được thì V ra nổ máy cho Â đi. Â điều khiển xe đến gặp Đặng H tại sân bóng đá B thuộc xã N, huyện Đ, mua 02 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Sau khi mua ma túy, Â chở H và một đối tượng khác chưa rõ nhân thân lai lịch đi về nhà của H. Tại nhà H, Â sử dụng hết 01 gói ma túy, gói còn lại Â mang theo để sử dụng. Sau đó, Â điều khiển xe đi Tp. Hồ Chí Minh để bán chiếc xe mô tô BKS: 48F1- 193.73. Khi đến Tp. Hồ Chí Minh, Â sử dụng hết gói ma túy còn lại rồi mang xe mô tô đến cầm cố tại tiệm cầm đồ thuộc Ngã tư xóm mới, phường N, quận V, Tp. Hồ Chí Minh, nhưng do xe không có giấy tờ nên chủ tiệm này không đồng ý nhận cầm cố. Sau đó, Â điều khiển xe đi về hướng huyện M hoặc địa phận tỉnh L (Â không nhớ rõ địa điểm), vào một quán cà phê ven đường. Tại đây, Â bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch với giá 15.000.000 đồng. Sau khi bán xe, Â dùng tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để mua ma túy của đối tượng không rõ nhân thân lai lịch tại Công viên thuộc Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Sau khi bán xe, Â gọi điện thoại cho chị Lã Thị H biết việc Â đã bán chiếc xe mô tô BKS: 48F1- 093.73 của V với giá 15.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Song kết luận: Giá trị thành tiền còn lại của chiếc xe mô tô BKS: 48F1- 093.73, hiệu Exciter camo (màu rằn ri), được mua ngày 16/5/2016 là: 56.920.000 x 80% = 45.536.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 59/CTr-VKS ngày 08/10/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố Chu Thiên Â về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố Chu Thiên Â về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS).

Áp dụng khoản 1 Điều 174 của BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS:

Xử phạt bị cáo Chu Thiên Â (Chu Việt H) từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nên không có căn cứ áp dụng.

Việc xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 48 F1- 09373 đứng tên chủ sở hữu hợp pháp bà Nguyễn Thị Thanh T, bị cáo Chu Thiên Â đã bán cho người không biết tên, địa chỉ và địa điểm bán. Cơ quan CSĐT đã áp dụng các biện pháp truy tìm nhưng vẫn không có kết quả nên đã tách ra khi nào có kết quả xử lý sau.

Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa Chu Thiên Â đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 56.000.000đ. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ iên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bị mất theo đơn là 56.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/7/2017 tại T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Chu Thiên Â đã dùng thủ đoạn lừa dối cố ý đưa ra thông tin không đúng sự thật, được thể hiện qua lời nói là "mượn xe" nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô

tô BKS 48F1-093.73, hiệu Exciter camo (màu rằn ri) trị giá theo kết luận định giá tài sản là 45.536.000 đồng của Đỗ Đức V (được mẹ là bà T giao cho quản lý và sử dụng) bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi phạm tội của Chu Thiên Â vào ngày 17/7/2017 là được xảy ra trước khi BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Tuy nhiên, đối chiếu với khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999 và khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 không có gì khác nhau, hoặc luật cũ có lợi hơn cho bị cáo nên áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 để truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Chu Thiên Â đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 174 BLHS quy định:

"*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

..."

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm tài sản của người khác. Bị cáo Chu Thiên Â là người có đủ nhận thức để nhận biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì ý thức lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã dùng thủ đoạn lừa dối nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 48F1- 093.73, hiệu Exciter camo (màu rằn ri) của anh Đỗ Đức V (do mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh T giao cho quản lý và sử dụng). Vì vậy, HĐXX xét thấy cần phải có mức hình phạt đủ nghiêm với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có một tiền sự và nhân thân xấu về tiền sự nhưng lại chưa bị Tòa án nào xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên bị cáo vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX xem xét giảm hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5]. Về nhân thân: Chu Thiên Â có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị đưa vào cơ sở chữa bệnh và giáo dục, mặc dù đã xóa tiền sự. Hiện nay bị cáo đang chấp hành 01tiền sự tại Quyết định số 199/QĐ-TA ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân quận T, TP. Hồ Chí Minh về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chữa bệnh, bị cáo không nghề nghiệp, không nơi cư trú nhất định nên HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Chu Thiên Â về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nên HĐXX không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung

[8] Đối với hành vi Chu Thiên Â và Đỗ Đức V mua má túy của đối tượng Đặng H. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đối tượng H không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và hiện tại không có mặt tại huyện Đ nên chưa thể điều tra làm rõ nên cơ quan điều tra đã tách ra, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[9] Đối với hành vi mà Chu Thiên Â mua ma túy của đối tượng tại công viên quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã có công văn ủy thác điều tra đến Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để xác minh, điều tra làm rõ nhưng chưa có kết quả nên tách ra xử lý sau.

[10] Việc xử lý vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô BKS: 48F1- 093.73, Chu Thiên Â không thể xác định được địa điểm và người mà Â đã bán chiếc xe. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã truy tìm nhưng chưa có kết quả, nên tách ra khi nào có kết quả sẽ xử lý sau là phù hợp.

[11] Việc bồi thường thiệt hại: Bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô hiệu Exciter camo, BKS: 48F1- 093.73 yêu cầu bị cáo Chu Thiên Â bồi thường số tiền 56.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo Chu Thiên Â đồng ý tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền này, yêu cầu HĐXX công nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13 Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Chu Thiên Â phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS:

Xử phạt bị cáo Chu Thiên Â 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/3/2018.

2.Việc xử lý vật chứng vụ án: Không thu được nên tách ra khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

3. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự tự nguyền bồi thường của bị cáo Chu Thiên Â cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền thiệt hại về tài sản là 56.000.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1Điều 24, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Chu Thiên Â phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 2.800.000 đồng *(Hai triệu tám trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

5.Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại piên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đ;*
- *VKSND tỉnh Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đ;*
- *Phòng PV27CA tỉnh Đ;*
- *VKSND huyện Đắk Song;*
- *CA huyện Đắk Song;*
- *Chi cục THA DS huyện S;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ.*